

Bản án số: 38/2023/HS-ST

Ngày 15/12/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ái Tân;

Ông Nguyễn Hữu Thái.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Hoàng Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Viết Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2020/TLST-HS ngày 25/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HS ngày 04/12/2023 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 14/12/2023 đối với các bị cáo:

1. **Phan Văn H**, sinh ngày 01/6/1990 tại Quảng Trị, nơi cư trú: **thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Phan Hữu H1** và bà: **Võ Thị T**; có vợ là **Nguyễn Thị H2** và 03 con lớn sinh 2009, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 24/11/2008 trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù; ngày 26/02/2009 trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù; ngày 06/9/2013 trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù; ngày 04/7/2014 trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xử phạt 30 tháng tù; ngày 22/6/2017 trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị xử phạt 30 tháng tù; ngày 22/11/2019 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam liên tục tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V** từ ngày 17/8/2023 cho đến nay cho đến nay, có mặt.

2. **Nguyễn Thị H2**, sinh ngày 12/8/1984 tại Quảng Trị; nơi cư trú: **thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn T1** và bà **Võ Thị T2**; có chồng **Phan Văn H** và 03 con lớn sinh 2009, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/02/2015 trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, có mặt.

Bị hại: Chị **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1973; trú tại: **thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị**. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Ngọc L, sinh năm 1980; trú tại: số A, T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 11/8/2023, Phan Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 74F1-0677 đi từ nhà H ở thôn L, xã G, huyện G đến viếng đám tang bà Võ Thị C tại thôn T, xã V, huyện V. Khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, H đến và để xe ở mép đường bê tông cách cổng nhà đám khoảng 50 mét, rồi đi bộ vào nhà thấp hương. Lúc này, mọi người đã đi đưa bà C ra nghĩa trang để chôn cất, ở nhà bà C chỉ còn những người phục vụ hậu cần của đám tang. H đứng ở sân nhà bà C khoảng 5 phút rồi đi về. Khi đến ngã 3 đường bê tông cách cổng nhà bà C khoảng 35 mét, H thấy phía bên trái theo chiều đi có khoảng 15 chiếc xe mô tô để sát hai bên mép đường, trong có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám-xanh-bạc-đen, biển kiểm soát 74L1-370.64 có chìa khóa điện đang cắm ở ổ khóa, trên đường không có người đi lại nên nảy ý định lấy trộm xe. H đề nổ máy, điều khiển xe đến vị trí để xe mô tô của H cách đó khoảng 20 mét để lấy mũ bảo hiểm và tiếp tục chạy dọc đường ven biển hướng vào G. Chạy qua cầu C khoảng 03 km, thì rẽ trái vào khu đất cát trồng cây tràm, cách mép đường khoảng 15 mét (thuộc địa phận xã T, huyện G) để cất giấu xe. Tại đây, H nhặt tấm ván xộp để kê dựng chân chống xe tại vị trí có nhiều cây dừa dại che khuất, mở cốp xe thấy có 01 giấy đăng ký xe biển kiểm soát 74L1-370.64 mang tên Trần Thị Huyền T3 (sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã V) rồi đóng lại, rút chìa khóa xe móc trên cành cây tràm cách xe khoảng 01 mét, cách mặt đất khoảng 02 mét. Sau khi giấu được xe, H đi ra đường nhựa để xin xe quay lại nhà bà C lấy xe mô tô của mình. Đợi khoảng 05 phút thì xin được xe của một người đàn ông không quen biết, đi xe Honda SH màu đen, chạy từ hướng G ra thị trấn C. Đến chợ D thì H xin xuống, rồi đi bộ đến nhà bà C lấy xe mô tô của mình đi về nhà. Đến tối khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang ở nhà, H có kể với vợ là Nguyễn Thị H2: “*Khi chiều đi ra nhà bà C đám tang mà họ đưa rồi nên đi về, anh ra ngoài đường thấy có chiếc xe Sirius, chìa khóa cắm nơi xe nên anh lấy trộm đem giấu trong vạt tràm Gio H4*”; nghe xong thì H2 nói: “*Răng mà liều lĩnh rứa, đem trả lại cho họ đi*” thì H nói lại: “*Chừ có ưng trả cũng không trả được, biết xe ai mà trả*”. Về sau, hai vợ chồng không nhắc gì đến chuyện đó.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 13/8/2023, H điều khiển xe mô tô Wave của mình đến gửi tại quán sửa xe máy của anh H5 ở cùng thôn, rồi đi bộ ra trạm xe buýt cách đó khoảng 01 km. Đón được xe buýt, H ra chỗ cất giấu xe trộm được để mang xe đi bán. Khi đến, H nổ máy điều khiển xe mô tô về hướng ngã 3 M, xã G, huyện G. Đi được một đoạn, H gọi điện thoại cho vợ là Nguyễn Thị H2 nói: “*Dừng chạy xe máy, bắt xe vô ngã ba M đi*”; mục đích là để H2 mang xe đi bán. Đến ngã 3 M một lúc thì H2 đến, H chở H2 đi vào hướng thành phố Đ bằng chiếc xe mô tô mà H trộm được và nói với H2 đi vào Đà Nẵng chơi. Vào đến huyện H thì H nói với H2: “*Đi bán xe, vì cà vẹt xe mang tên phụ nữ, em phụ nữ em đi bán dễ hơn*”. Vì lo sợ chạy xe trên đường dài sẽ bị lực lượng Công an phát hiện xe trộm cắp nên H dừng xe trước 01 cửa hàng xăng dầu (ở ngã ba H) đón xe vào Đà

Năng để tiêu thụ. Đến bến xe Đ, H2 điều khiển xe chở H tới quán cà phê trên đường T và bảo H vào trong quán cà phê ngồi đợi, còn H2 đưa xe đi bán. H2 điều khiển xe đến cửa hàng mua bán xe máy cũ Hồ Gia, số A đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. H2 vào cửa hàng gặp anh Hồ Ngọc L, sinh năm 1980 là người quản lý cửa hàng, H2 nói với anh L: “Xe H2 mua lại của một người bà con, người này đi nước ngoài, giờ cần tiền thuê mặt bằng để mở tiệm cắt tóc trên đường K nên bán xe”. H2 đưa giấy tờ xe và căn cước công dân của H2 cho anh L kiểm tra, sau khi kiểm tra thì hai người thống nhất giá mua bán chiếc xe này là 11.500.000đ, nhưng sẽ thanh toán trước 11.000.000đ, số tiền 500.000đ còn lại sẽ thanh toán khi H2 đưa bản photo chứng minh nhân dân của người đăng ký xe mô tô cho cửa hàng. H2 đồng ý đưa chìa khóa xe, anh L nhận xe, đưa cho H2 một tờ giấy mua bán xe và 11.000.000đ. H2 nhận tiền rồi đi bộ tới quán cà phê, nói với H: “Xe không chính chủ nên họ trả 11.000.000 đồng thôi”. H2 giữ tiền và giấy mua bán xe rồi cùng H thuê xe về nhà. Khoảng 18 giờ ngày 13/8/2023, H và H2 về đến nhà, H2 đưa 11.000.000 đồng và giấy tờ mua bán xe. Số tiền trên vợ chồng H đã tiêu xài hết, còn giấy tờ mua bán xe H đã đốt. Ngày 15/8/2023, hành vi của Phan Văn H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V phát hiện. Sau khi được triệu tập làm việc, Phan Văn H và Nguyễn Thị H2 đã khai báo hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 810/KLĐGTS ngày 17/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: “Trị giá xe mô tô 74L1-370.64 là 21.334.346 đồng”.

Cáo trạng số 34/CT-VKS-VL ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh truy tố bị cáo Phan Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Thị H2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Phan Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” và Nguyễn Thị H2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 5 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 18 đến 21 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 từ 09 đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng, quyết định tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Có căn cứ khẳng định trong ngày 11/8/2023, Phan Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám-xanh-bạc-đen, biển kiểm soát 74L1-370.64 trị giá 21.334.346 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định: “Người nào

trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Nguyễn Thị H2 mặc dù không hứa hẹn trước nhưng biết rõ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám-xanh-bạc-đen, biển kiểm soát 74L1-370.64 là tài sản do **Phan Văn H** trộm cắp mà có nhưng đã cùng **H** đưa tài sản trộm cắp vào Đà Nẵng để bán cho anh **Hồ Ngọc L** với giá 11.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo **H2** đã cấu thành tội: *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có* theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo **Phan Văn H** đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an. Hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn Thị H2** xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; cả hai bị cáo đều đã từng bị Tòa án xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần phải nghiêm trị.

Cũng thấy rằng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, cả hai bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo **H2** bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên khi quyết định hình phạt, cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo với hướng phải cách ly các bị cáo **H** ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, đồng thời để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung. Riêng đối với bị cáo **H2** khi áp dụng hình phạt xét thấy bị cáo **H** và bị cáo **H2** là vợ chồng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có 03 con nhỏ cần được sự chăm nom của mẹ, bị cáo **H2** đã bị kết án nhưng đã được xoá án tích hơn 06 tháng. Vì vậy, cần áp dụng chế độ nhân đạo được quy định tại Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

[3] *Áp dụng biện pháp ngăn chặn:*

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử ban hành Quyết định tạm giam đối với bị cáo **Phan Văn H** để đảm bảo thi hành án.

[4] *Về trách nhiệm dân sự và các hành vi có liên quan đến vụ án:*

Anh **Hồ Ngọc L** là người mua chiếc xe mô tô do **Nguyễn Thị H2** mang đến nhưng không biết đó là tài sản do **Phan Văn H** trộm cắp mà có nên HĐXX không xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, anh **L** tiếp tục yêu cầu **Nguyễn Thị H2** hoàn trả 11.000.000 đồng đây là số tiền đã mua chiếc xe mô tô cho **H2**, xét yêu cầu là phù hợp nên chấp nhận. Do anh **L** yêu cầu bị cáo **H2** hoàn trả số tiền 11.000.000 đồng có được khi bán xe mô tô, nên không xem xét tịch thu sung công quỹ đối với số tiền này.

[5] *Về vật chứng:*

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám-xanh-bạc-đen, biển kiểm soát 74L1-370.6401 trong quá trình điều tra cơ quan Công an đã trả lại cho chị **Nguyễn Thị H3**, nay chị **H3** không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- 01 tấm ván bằng xốp màu nâu, đã qua sử dụng, kích thước 0.95 x 0.4m x 0.03m không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Phan Văn H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo **Nguyễn Thị H2** phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*.”

Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Văn H** 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 17/8/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H2** 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị H2** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 4 Điều 580 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo **Nguyễn Thị H2** hoàn trả cho anh **Hồ Ngọc L** 11.000.000 (Mười một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy: 01 tấm ván bằng xộp màu nâu, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh ngày 31/10/2023)

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án”, buộc bị cáo Phan Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị H2 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; 550.000 (Năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QT;
- VKSND tỉnh QT;
- Sở Tư pháp tỉnh QT;
- VKSND Vĩnh Linh;
- CA Vĩnh Linh;
- CCTHADS Vĩnh Linh;
- UBND xã Gio Mai.
- Những người TGTT;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vĩnh